TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 26/2023/DS-ST Ngày: 02-3-2023 V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hùng Bích;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Hoàng Mến - Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 3 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 297/2022/TLST-DS ngày 13 tháng 10 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH thương mại & sản xuất thuốc thú y P (Công ty P);

Trụ sở: số 159 Bùi Công Tr, xã B, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Tấn V, chức danh: Giám đốc;

Địa chỉ liên lạc: số 159 Bùi Công Tr, xã B, huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Nguyễn Khoa N, sinh năm 1985;

Cư trú: số 31/13 khóm Th, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

Tại phiên tòa, ông V có mặt, ông Khoa N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Giữa Công ty P và cá nhân ông Nguyễn Khoa N có quan hệ mua bán hàng hóa từ năm 2017, mặt hàng mua bán là thuốc thú y thủy sản, thực phẩm dinh dưỡng dùng trong thủy sản. Do ông Khoa N từng là nhân viên của Công ty Pên Công ty và ông Khoa N không có lập hợp đồng mua bán bằng văn bản. Mỗi năm thỏa thuận lại hợp đồng mới một lần; còn nợ của năm cũ thì tự thỏa thuận với nhau chốt lại rồi cộng dồn qua tiền hàng còn nợ của năm sau. Số nợ được chốt vào ngày 31 tháng 12 hằng năm, trong tháng 01 năm sau thì ông Khoa N phải có nghĩa vụ thanh toán dứt nợ của năm trước, lúc đó sẽ được hưởng chiết khấu. Cứ như vậy, cho đến ngày 15 tháng 01 năm 2020 thì ông Khoa N còn nợ công ty số tiền hàng là 150.911.000 đồng (trường hợp nếu ông Khoa N thanh toán đủ số tiền hàng đúng hạn thì được hưởng chiết khấu là 38.655.000 đồng). Lúc này ông Khoa N có tự lập cam kết trả nợ cho Công ty số tiền hàng 150.911.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 5% trên số tiền nợ còn lại, thời hạn cuối thanh toán là tháng 09 năm 2020.

Đến ngày 24 tháng 9 năm 2020, ông Khoa N vẫn chưa thanh toán được nợ như đã hẹn nên ông Khoa N tiếp tục lập Giấy xác nhận nợ ngày 24 tháng 9 năm 2020 cho Công ty, nội dung xác nhận số tiền ông Khoa N còn nợ là 160.723.000 đồng (trường hợp nếu ông Khoa N thanh toán đủ số tiền hàng đúng hạn thì được hưởng chiết khấu là 48.415.000 đồng) và hẹn sẽ trả dần đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số tiền nêu trong Giấy xác nhận nợ ngày 24 tháng 9 năm 2020 là bao gồm cả tiền hàng phát sinh từ tháng 01 năm 2020 đến tháng 9 năm 2020. Nhưng từ khi ký Giấy xác nhận nợ ngày 24 tháng 9 năm 2020 thì ông Khoa N không thanh toán bất kỳ khoản tiền cho Công ty.

Nay Công ty xác định Yêu cầu buộc ông Nguyễn Khoa N trả số tiền mua hàng còn nợ là: 160.671.000 đồng (gồm 112.256.000 đồng tiền nợ mua hàng và 48.415.000 tiền chiết khấu); buộc ông Khoa N trả tiền lãi chậm thanh toán trên số tiền nợ mua hàng như sau: yêu cầu tiền lãi tính theo công thức = số tiền nợ x lãi suất nợ quá hạn x thời gian chậm trả. Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất cho vay của ngân hàng trên thị trường; thời gian chậm trả là từ ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho đến khi ông Khoa N thực trả nợ.

Bị đơn ông Nguyễn Khoa N: Vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến cho Tòa án.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông Dương Tấn V đại diện cho Công ty P trình bày: Công ty vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu trả số tiền nợ gốc là 160.671.000 đồng, vì các Giấy cam kết, Giấy xác nhận nợ là do ông Khoa N tự theo dõi và tự viết tay gửi cho Công ty, còn số tiền nợ Công ty yêu cầu trả là theo sổ kế toán theo dõi của Công ty. Còn đối với yêu cầu trả lãi Công ty yêu cầu ông Khoa N phải trả lãi với mức lãi suất chậm thanh toán theo quy định của pháp luật từ ngày 25 tháng 9 năm 2020 cho đến khi trả xong các khoản nợ.

- Ông Nguyễn Khoa N vắng mặt và không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng ông Khoa N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt là vi phạm quyền, nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Công ty P yêu cầu buộc ông Khoa N phải trả số tiền mua hàng còn nợ là 160.671.000 đồng (gồm 112.250.000 đồng tiền nợ mua hàng và 48.415.000 đồng tiền chiết khấu) và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất theo quy định của pháp luật nên căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy xác nhận nợ ngày 24 tháng 9 năm 2020 và cam kết trả nợ ngày 15 tháng 01 năm 2020, nhận thấy yêu cầu này có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 430, 440, 468 Bộ luật Dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Khoa N trả số tiền mua hàng còn nợ là 160.671.000 đồng và tính lãi theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền mua hàng còn nợ. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án dân sự về "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Khoa N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Giữa Công ty P và ông Khoa N có xác lập hợp đồng mua bán hàng hóa là thuốc thú y thủy sản, chất dinh dưỡng dùng trong chăn nuôi thủy sản. Ông N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền hàng sau khi nhận đủ hàng hóa từ Công ty P, nên Công ty mới khởi kiện yêu cầu ông Khoa N trả tiền hàng còn nợ và yêu cầu trả lãi theo quy định pháp luật. Ông Khoa N mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông Khoa N đều không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ về nội dung tranh chấp, phản bác ý kiến của nguyên đơn.

Xét thấy: hợp đồng mua bán hàng hóa giữa các bên được xác lập dưới hình thức thỏa thuận miệng, trên sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, không bị lừa dối hay ép buộc nên là giao dịch hợp pháp và làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên. Các bên đã thực hiện hợp đồng được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do ông Khoa N không thực hiện trả tiền hàng đúng thỏa thuận. Ngày 15 tháng 01 năm 2020, ông Khoa N tự viết giấy cam kết chốt lại số tiền mua hàng còn nợ và cam kết trả nợ gốc, lãi. Nhưng do không thực hiện cam kết trả nợ, nên ngày 24 tháng 9 năm 2020 ông Khoa N lại tự viết Giấy xác nhận nợ cho Công ty P. Sau khi ký xác nhận nợ, ông Khoa N vẫn tiếp tục không thực hiện việc trả tiền là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mà các bên đã thỏa thuận. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ để chấp nhận.

[3.3] Về yêu cầu trả lãi chậm thanh toán:

Ông Khoa N ký xác nhận nợ ngày 24 tháng 9 năm 2020 và cam kết thực hiện trả dần, nhưng vẫn không thực hiện là đã chậm thực hiện nghĩa vụ, nên phải chịu lãi chậm thanh toán theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự. Theo như Tờ cam kết ngày 15 tháng 01 năm 2020 thì ông Khoa N phải chịu lãi suất 5%, còn theo lời trình bày của Công ty P thì khi xác lập hợp đồng các bên thỏa thuận nếu chậm thanh toán phải chịu lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng thương mại cổ phần nơi Công ty P có tài khoản. Nhưng tại phiên tòa, Công ty P chỉ yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất quy định của pháp luật, điều này là có lợi cho bị đơn. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn để buộc bị đơn phải chịu tiền lãi chậm thanh toán từ ngày 25 tháng 9 năm 2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (tạm tính) với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự như sau:

160.671.000 đồng x 10%/năm x 888 ngày (từ 25 tháng 9 năm 2020 đến 02 tháng 3 năm 2023) = 39.089.273 đồng.

[3.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty P để buộc ông Khoa N phải trả cho Công ty số tiền nợ gốc là 160.671.000 đồng và tiền lãi là 39.089.273 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty P không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Ông Khoa N phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 357, 430, 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thương mại & sản xuất thuốc thú y P đối với ông Nguyễn Khoa N.

Buộc ông Nguyễn Khoa N có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH thương mại & sản xuất thuốc thú y P số tiền nợ vốn là 160.671.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu sáu trăm bảy mươi mốt nghìn đồng) và tiền lãi tạm tính đến ngày 02 tháng 3 năm 2023 là 39.089.273 đồng (ba mươi chín triệu không trăm tám mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng); tổng cộng là: 199.760.273 (một trăm chín mươi chín triệu bảy trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Khoa N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.988.000 đồng (chín triệu chín trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Công ty TNHH thương mại & sản xuất thuốc thú y P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.403.000 đồng (bốn triệu bốn trăm linh ba nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0000887 ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X, An Giang.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. AN Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trần Hùng Bích

Nguyễn Thị Xuân Loan

THẨM PHÁN –
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thùy Giang